

Số: 29/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nông Văn T**, sinh năm 1992 - Địa chỉ: **Thôn K, xã T, tỉnh Thái Nguyên**.

- Bị đơn: Chị **Chung Thị T1**, sinh năm 1995 - Địa chỉ: **Thôn K, xã T, tỉnh Thái Nguyên**.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2026.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Nông Văn T** và chị **Chung Thị T1**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nông Văn T** và chị **Chung Thị T1** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh **Nông Văn T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Nông Thế T2**, sinh ngày 03/11/2013 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị **Chung Thị T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:**

Chị **Chung Thị T1** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là **Nông Thế T2**, sinh ngày 03/11/2013 là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/tháng) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng: Vào ngày 20 hàng tháng.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 05/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng của chị **Chung Thị T1** theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm Thi hành án.

**2.4. Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.5. Về nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.6. Về án phí:** Anh **Nông Văn T** tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0001335 ngày 03/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Xác nhận anh **Nông Văn T** đã nộp đủ án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 8 - Thái Nguyên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Na Rì, tỉnh Thái Nguyên (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**THẨM PHÁN**



**Lý Thị Luân**

